

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2023/DS-ST
Ngày: 13-07-2023.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần.

2. Ông Châu Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T2, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cúc H1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp QK, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm

1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T2, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Do quen biết, tôi có cho chị H1 mượn nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 01/5/2021 âm lịch: 15.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi.
- Ngày 22/02/2022 âm lịch: 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi.
- Ngày 18/3/2022 âm lịch: 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi.
- Ngày 23/5/2022 âm lịch: 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi.

Các lần mượn đều có làm biên nhận. Nội dung hai biên nhận ngày 18/3/2022 âm lịch và biên nhận ngày 22/02/2022 âm lịch do vợ tôi là chị V viết, chị H1 ký tên và ghi rõ họ tên. Hai biên nhận còn lại là do chị H1 tự viết nội dung, ký tên và ghi rõ họ tên.

Chị H1 mượn của tôi tổng cộng là 85.000.000 đồng, đến nay chị H1 chưa trả tiền cho tôi nên nay tôi yêu cầu chị Nguyễn Thị Cúc H1 có nghĩa vụ trả lại cho tôi số tiền đã mượn là 85.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền này hiện nay chị H1 không còn nợ tôi khoản nợ nào khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Cúc H1 trình bày: Bốn biên nhận phía anh H cung cấp:

- Hai biên nhận ngày 18/3/2022 âm lịch và biên nhận ngày 22/02/2022 âm lịch nội dung do chị V viết, tôi ký tên và ghi rõ họ tên.
- Hai biên nhận ngày 01/5/2021 âm lịch và ngày 23/5/2022 âm lịch là do tôi tự viết nội dung, ký tên và ghi rõ họ tên.

Số tiền tôi thực sự mượn của anh H chỉ là 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/3/2022 âm lịch. Do tôi mượn anh H nhiều lần tiền nhưng chưa trả được nên anh H mới kêu tôi làm lại biên nhận 40.000.000 đồng. Biên nhận 40.000.000 đồng làm với mục đích là để gộp 03 biên nhận còn lại do anh H cung cấp. Tôi chỉ đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng cho anh H. Ngoài ra tôi đã trả cho anh H nhiều

lần tiền nhưng chưa lấy lại biên nhận.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị H1 không có trả vợ chồng tôi số tiền vốn hoặc lãi nào hết. Tôi thống nhất với ý kiến của ông H, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh H khai vợ anh là chị Nguyễn Thị V có nhận 11.000.000 đồng từ chị H1; anh H yêu cầu chị H1 trả cho ông số tiền còn nợ là 74.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, ông H yêu cầu chị H1 trả số tiền còn nợ là 74.000.000 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Cúc H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết buộc chị Nguyễn Thị

Cúc H1 phải trả số tiền vay là 85.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Cúc H1 cư trú tại ấp QK, xã QL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc chị H1 trả số tiền còn nợ là 74.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội và việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 71, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[1.4] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh H cung cấp 04 biên nhận nợ ngày 01/5/2021 âm lịch, ngày 22/02/2022 âm lịch, ngày 23/5/2022 âm lịch và ngày 18/3/2022 âm lịch có chữ ký của chị H1. Anh H khai việc cho mượn tiền thỏa thuận miệng khi nào anh cần thì chị H1 phải trả cho anh, không có thỏa thuận lãi suất, từ tháng 08/2022 dù anh đã yêu cầu chị H1 trả nhiều lần phía chị H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thừa nhận trong quá trình vay chị V là vợ anh có nhận của chị H1 số tiền 11.000.000 đồng, anh đồng ý trừ số tiền đã nhận vào số tiền vốn chị H1 đã vay, hiện nay anh chỉ yêu cầu chị H1 trả cho anh số tiền còn nợ là 74.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Cúc H1 thừa nhận 02 biên nhận ngày 18/3/2022 âm lịch (mượn số tiền 40.000.000 đồng) và biên nhận ngày 22/02/2022 âm lịch (mượn số tiền 10.000.000 đồng) nội dung do chị V viết, chị H1 ký tên và ghi rõ họ tên; 02 biên nhận ngày 01/5/2021 âm lịch (mượn số tiền 15.000.000 đồng) và ngày 23/5/2022 âm lịch (mượn số tiền 20.000.000 đồng) là do chị H1 tự viết nội dung, ký tên và ghi rõ họ tên. Chị H1 không đồng ý trả 85.000.000 đồng cho anh H do chị cho rằng biên nhận mượn 40.000.000 đồng ngày

18/3/2022 âm lịch là số tiền gộp của 03 biên nhận ngày 23/5/2022 âm lịch, ngày 22/02/2022 âm lịch và ngày 01/5/2021 âm lịch. Đối với lời khai của mình, chị H1 không có chứng cứ để chứng minh, phía anh H không thừa nhận. Đồng thời lời khai của chị H1 mâu thuẫn về thứ tự thời gian của các biên nhận và tổng số tiền mượn của 03 biên nhận ngày 22/02/2022 âm lịch, ngày 01/5/2021 âm lịch và ngày 23/5/2022 âm lịch. Cụ thể biên nhận 40.000.000 đồng ngày 18/3/2022 âm lịch được ký kết trước biên nhận ngày 23/5/2022 âm lịch và tổng số tiền của 03 biên nhận ngày 22/02/2022 âm lịch, ngày 01/5/2021 âm lịch và ngày 23/5/2022 âm lịch là 45.000.000 đồng. Căn cứ trên các tài liệu chứng cứ và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc anh H yêu cầu Toàn án buộc chị Nguyễn Thị Cúc H1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 74.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Anh H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cúc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hùng.

Buộc chị Nguyễn Thị Cúc H1 có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền 2.125.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0025412 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Cúc H1 phải chịu 3.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung